

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 8222 ... Ngày: ... 07/10 ...

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật phòng, chống rửa tiền**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật phòng, chống rửa tiền.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền về các biện pháp phòng, chống rửa tiền, thu thập xử lý và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng, chống rửa tiền và hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 2 Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến phòng, chống rửa tiền, bao gồm tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc người không có quốc tịch không hoạt động hoặc không sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam nhưng có các giao dịch với tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II **CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**

Mục 1 **NHẬN BIẾT, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Điều 3. Nhận biết khách hàng

1. Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác;

b) Khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;

c) Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn. Giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày;

d) Khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo;

đ) Khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;

e) Khi nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi có thưởng, casino phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với khách hàng có giao dịch tài chính với tổng giá trị từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng trở lên trong một ngày.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản và sàn giao dịch bất động sản phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với bên mua, bên bán trong hoạt động môi giới mua, bán bất động sản; đối với chủ sở hữu tài sản trong việc cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý và đá quý phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch bằng tiền mặt mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày.

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; dịch vụ quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; dịch vụ quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; dịch vụ điều hành, quản lý hoạt động công ty của khách hàng; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh.

6. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ ủy thác đầu tư là tổ chức, cá nhân nhận tiền hoặc tài sản từ một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân ủy thác để thực hiện giao dịch liên quan đến tiền hoặc tài sản cho tổ chức, cá nhân ủy thác. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ ủy thác đầu tư phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với bên ủy thác.

7. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; cung cấp văn phòng đăng ký, địa chỉ hoặc địa điểm kinh doanh; cung cấp dịch vụ đại diện cho doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng sử dụng hoặc yêu cầu các dịch vụ đó.

8. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với bên thứ ba và người giám đốc hoặc thư ký giám đốc đó.

9. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cung cấp người đại diện cho cổ đông phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với cổ đông và người đại diện cho cổ đông đó.

Điều 4. Thông tin nhận biết và xác minh thông tin nhận biết khách hàng

1. Thông tin nhận biết khách hàng là tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài phải bao gồm các thông tin được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch, thông tin nhận dạng bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và ở Việt Nam.

3. Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai (02) quốc tịch trở lên, ngoài những thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này, đối tượng báo cáo phải thu thập bổ sung thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch.

4. Đối tượng báo cáo xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 11 Luật phòng, chống rửa tiền.

Điều 5. Chủ sở hữu hưởng lợi

1. Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo các tiêu chí sau:

a) Cá nhân sở hữu thực tế đối với một tài khoản hoặc một giao dịch: Chủ tài khoản, đồng chủ tài khoản hoặc bất kỳ người nào chi phối hoạt động, thụ hưởng của tài khoản, giao dịch đó;

b) Cá nhân có quyền chi phối pháp nhân: Cá nhân nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ của pháp nhân đó; cá nhân nắm giữ từ 20% trở lên vốn điều lệ của các tổ chức góp trên 10% vốn của pháp nhân đó; chủ doanh nghiệp tư nhân; cá nhân khác thực tế chi phối pháp nhân đó;

c) Cá nhân có quyền chi phối một ủy thác đầu tư, thỏa thuận ủy quyền: Cá nhân ủy thác, ủy quyền; cá nhân có quyền chi phối cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức ủy thác, ủy quyền.

2. Nhận dạng và xác minh thông tin nhận dạng chủ sở hữu hưởng lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định này. Đối với khách hàng là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức có một hoặc nhiều bên tham gia góp vốn là cá nhân, tổ chức nước ngoài, đối tượng báo cáo phải xác minh bổ sung thông tin nhận biết cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài đó bằng cách sử dụng các tài liệu, dữ liệu do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp.

Điều 6. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

Đối tượng báo cáo phải xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro rửa tiền dựa vào các yếu tố sau:

1. Loại khách hàng: Người cư trú hoặc không cư trú; tổ chức hoặc cá nhân; khách hàng thuộc hoặc không thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo; lĩnh vực, phương thức hoạt động, kinh doanh.

2. Loại sản phẩm, dịch vụ khách hàng sử dụng bao gồm cả dự kiến sử dụng: Dịch vụ tiền mặt hoặc chuyển khoản; dịch vụ thanh toán hoặc chuyển tiền, đổi tiền; dịch vụ môi giới, ủy thác, ủy quyền; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ hoặc phi nhân thọ.

3. Vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính: Các nước trong danh sách cấm vận nêu tại các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc; các nước trong danh sách công khai không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các khuyến nghị về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố định kỳ; quốc gia hoặc vùng, lãnh thổ được nhận định có nhiều hoạt động ma túy, tham nhũng, rửa tiền.

4. Yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định và phân loại phù hợp với thực tế phát sinh.

Điều 7. Quan hệ ngân hàng đại lý

1. Khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về ngân hàng đối tác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 Luật phòng, chống rửa tiền và các thông tin sau: Mục đích và lý do thiết lập mối quan hệ; tên cơ quan quản lý của ngân hàng đối tác và đánh giá, xếp loại uy tín của cơ quan có thẩm quyền hoặc của tổ chức chuyên môn đối với ngân hàng đối tác.

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác thông qua:

- a) Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;
- b) Hệ thống quản lý rủi ro về rửa tiền;
- c) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

Điều 8. Giao dịch liên quan tới công nghệ mới

1. Giao dịch liên quan tới công nghệ mới là giao dịch sử dụng công nghệ cho phép khách hàng thực hiện giao dịch mà không cần gặp mặt trực tiếp nhân viên của đối tượng báo cáo.

2. Đối tượng báo cáo khi cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện các yêu cầu sau:

- a) Gặp mặt trực tiếp khách hàng khi lần đầu thiết lập mối quan hệ và yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;
- b) Xây dựng quy trình đánh giá rủi ro về rửa tiền khi cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ mới. Quy trình này tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Xác định và mô phỏng các rủi ro về rửa tiền có thể phát sinh đối với các giao dịch áp dụng công nghệ mới; đưa ra các biện pháp phù hợp để phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro phát sinh.

Điều 9. Giao dịch có giá trị lớn bất thường, giao dịch phức tạp

Giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Luật phòng, chống rửa tiền là các giao dịch sau:

1. Giao dịch có giá trị lớn bất thường là giao dịch rõ ràng không tương xứng với thu nhập hoặc không phù hợp với mức giá trị giao dịch thường xuyên của khách hàng với đối tượng báo cáo;